

UBND TỈNH NINH THUẬN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HÀN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ - CDN ngày tháng năm 2017 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận)

Tên nghề: Hàn

Mã nghề: 6520123

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Loại hình đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT;

Thời gian đào tạo: 2 năm

I. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Trang bị cho người học kiến thức thực tế và lý thuyết tương đối rộng trong phạm vi nghề Hàn; Kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp; Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc; Kiến thức thực tế về quản lý, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình thực hiện trong phạm vi của nghề Hàn;

Trang bị cho người học kỹ năng nhận thức, sáng tạo để xác định, phân tích, đánh giá trong phạm vi rộng; Kỹ năng thực hành nghề nghiệp để giải quyết phần lớn các công việc phức tạp trong phạm vi nghề Hàn; Kỹ năng truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác tại nơi làm việc;

Người học sau khi tốt nghiệp đạt năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Kiến thức:

Trình bày các phương pháp chế tạo phôi hàn;

Giải thích các vị trí hàn (1F,1G,2F,2FR, 2G,3F, 3G,4F, 4G, 5G, 6G, 6GR);

Đọc các ký hiệu vật liệu cơ bản;

Trình bày phạm vi ứng dụng của các phương pháp hàn (SMAW, MAG/MIG, FCAW, SAW, TIG);

Hiểu nguyên lý, cấu tạo và vận hành thiết bị hàn (SMAW, MAG/MIG, FCAW, SAW, TIG);

Đọc, hiểu quy trình hàn áp dụng vào thực tế của sản xuất;

Trình bày nguyên lý cấu tạo, vận hành các trang thiết bị hàn (SMAW, MAG/MIG, FCAW, SAW...);

Tính toán chế độ hàn hợp lý;

Trình bày các khuyết tật của mối hàn (SMAW, MAG/MIG, FCAW, SAW, TIG), Nguyên nhân và biện pháp đề phòng;

Trình bày các ký hiệu mối hàn, phương pháp hàn trên bản vẽ kỹ thuật ;

Trình bày và giải thích quy trình hàn, chọn vật liệu hàn, áp dụng vào thực tế của sản xuất;

Phân tích quy trình kiểm tra ngoại dạng mối hàn theo tiêu chuẩn Quốc tế (AWS);

Giải thích các ký hiệu vật liệu hàn, vật liệu cơ bản;

Biết các biện pháp an toàn phòng cháy, chống nổ và cấp cứu người khi bị tai nạn xảy ra.

Kỹ năng:

Chế tạo phôi hàn theo yêu cầu kỹ thuật của bản vẽ bằng mỏ cắt khí bằng tay, máy cắt khí con rùa, máy cắt plasma

Định vị các kết hàn theo các vị trí khác nhau theo yêu cầu kỹ thuật;

Vận hành, điều chỉnh chế độ hàn trên máy hàn (SMAW, MAG/MIG, FCAW, TIG);

Đấu nối thiết bị hàn (SMAW, MAG/MIG, FCAW, TIG) một cách thành thạo;

Chọn chế độ hàn hợp lý cho các phương pháp hàn (SMAW, MAG/MIG, FCAW, TIG);

Hàn được các mối hàn bằng phương pháp hàn Hồ quang tay (SMAW), có kết cấu đơn giản đến phức tạp, như mối hàn góc (1F – F4), mối hàn giáp mối từ (1G – 4G), mối hàn ống từ vị trí hàn (1F, 1G, 2F, 2FR, 2G, 5G) của thép các bon thường, có chất lượng mối hàn theo yêu cầu kỹ thuật của bản vẽ;

Hàn các mối hàn MAG/ MIG vị trí hàn 1F – 4F, 1G – 4G đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;

Hàn các mối hàn lót TIG phủ SMAW;

Sửa chữa các mối hàn bị sai hỏng, biết nguyên nhân và biện pháp khắc phục hay đề phòng;

Có khả năng đào tạo thợ bậc dưới.

Có khả năng làm việc theo nhóm, độc lập;

Xử lý các tình huống kỹ thuật trong thực tế thi công;

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Biết bảo dưỡng thiết bị, dụng cụ và phòng chống cháy nổ của nghề hàn.

1.3. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp sẽ làm việc tại các Công ty, Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn có nghề Hàn;

Học liên thông lên Đại học;

Công tác trong nước hoặc đi xuất khẩu lao động sang nước ngoài.

2. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 31

- Thời lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2300 giờ

- Thời lượng các môn học chung/đại cương: 465 giờ

- Thời lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1935 giờ

- Thời lượng lý thuyết: 658 giờ; Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận: 1642 giờ

- Thời gian khóa học: 2 năm.

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/ đại cương	23	465	195	240	30
MH 01	Chính trị	5	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	2	30	22	6	2

MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	12	44	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng an ninh	3	75	36	36	3
MH 05	Tin học cơ bản	3	60	15	41	4
MH 06	Tiếng anh A2	6	120	35	75	10
MH 07	Kỹ năng mềm	2	30	15	14	1
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	74	1835	463	1580	72
<i>II.1</i>	<i>Môn học, mô đun cơ sở</i>	<i>12</i>	<i>255</i>	<i>118</i>	<i>122</i>	<i>15</i>
MH 08	An toàn lao động	2	30	15	13	2
MH 09	Vẽ kỹ thuật	4	75	30	41	4
MH 10	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	15	13	2
MH 11	Vật liệu học	2	30	28	0	2
MH 12	Thực tập Nguội cơ bản	3	60	15	42	3
MH 13	Tổ chức sản xuất	2	30	15	13	2
<i>II.2</i>	<i>Môn học, mô đun chuyên môn</i>	<i>62</i>	<i>1580</i>	<i>345</i>	<i>1178</i>	<i>57</i>
MH 14	Chế tạo phôi hàn	3	75	15	57	3
MH 16	Gá lắp kết cấu hàn	1	30	10	19	1
MH 15	Gia công cơ khí trên máy công cụ	4	90	30	56	4
MH 17	Tính toán kết cấu hàn	3	60	30	27	3
MH 18	Autocad	2	45	20	23	2
MH 19	Hàn hồ quang tay 1	6	120	45	69	6
MH 20	Hàn hồ quang tay 2	5	120	20	95	5
MH 21	Hàn hồ quang tay 3	3	90	10	77	3
MH 22	Hàn MIG/MAG 1	4	90	20	66	4
MH 23	Hàn MIG/MAG 2	5	120	15	100	5
MH 24	Hàn TIG 1	4	90	20	66	4
MH 25	Hàn TIG 2	5	120	15	100	5
MH 26	Hàn ống 5G	3	70	15	52	3
MH 27	Kiểm tra đánh giá chất lượng mối hàn	3	45	30	13	2
MH 28	Hàn khí	3	75	20	52	3
MH 29	Hàn tiếp xúc	2	30	15	13	2

MH 30	Hàn tự động dưới lớp thuốc bảo vệ	2	30	15	13	2
MH 31	Thực tập tốt nghiệp	7	280	0	280	0
TỔNG CỘNG		97	2300	658	1820	102

4. Chương trình môn học, mô đun đào tạo:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

5.1. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo

- Đơn vị thời gian trong kế hoạch đào tạo được tính bằng năm học, học kỳ, tuần và giờ học;

- Thời gian học tập trong kế hoạch đào tạo được quy đổi như sau :

+ Một giờ học Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút;

+ Một ngày học thực hành, thực tập hoặc học theo mô-đun không quá 8 giờ học;

+ Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ học.

- Mỗi tuần không học quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường;

- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở;

- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện sinh viên;

- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng; - Sinh hoạt tập thể.	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)

3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phỏng vấn, tìm việc ...	Trong giờ sinh hoạt khoa 01 lần/học kỳ.
6	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

5.3. Hướng dẫn thi kết thúc môn học, mô đun

Thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Kiểm tra định kỳ được thực hiện theo kế hoạch được quy định trong chương trình môn học, mô-đun;

- Kiểm tra viết và thực hành:

TT	Số giờ	Lý thuyết	Thực hành/tích hợp	Ghi chú
1	Từ 30 – dưới 60	60 phút	4 giờ	
2	Từ 60 - dưới 120	90 phút	4 giờ	
3	Từ 120 trở lên	120 phút	4 - 8 giờ	

-Kiểm tra vấn đáp:

Kiểm tra vấn đáp có thời gian cho 1 thí sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời.

Riêng các môn học/mô đun đặc thù thời gian làm bài cụ thể do Hiệu trưởng xem xét quyết định.

- Kiểm tra trắc nghiệm:

+ Từ dưới 60 giờ: Từ 40 – 50 câu với thời gian kiểm tra 40 – 50 phút;

+ Từ 60 giờ trở lên: Từ 50 - 60 câu với thời gian kiểm tra 50 - 60 phút.

5.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	120 phút
2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Viết	120 phút.
3	Thực hành nghề nghiệp	Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp	8 giờ

HIỆU TRƯỞNG